

Số: 68/2022/QĐST-DS

G, ngày 31 tháng 05 năm 2022.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 – 12 – 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 23 tháng 05 năm 2022, văn bản thống nhất nội dung hoà giải của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Các đương sự đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 42/2022/TLST-DS ngày 19 tháng 04 năm 2022, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải, văn bản thống nhất nội dung hoà giải của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (M). Địa chỉ trụ sở chính: Số M1 L, phường T, quận C, TP. Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: ông **Lê Hữu Đ** - Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị; Đại diện ủy quyền: **Công ty TNHH Q1 - Ngân hàng TMCP Q. (M1)**. Địa chỉ trụ sở chính: Số B L1, phường L1, quận B1, TP. Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: ông **Phạm Văn P** - Chức vụ: Tổng Giám đốc. (Theo Hợp đồng ủy quyền số 154/UQ.M-M1 ngày 18/03/2021). Người đại diện theo ủy quyền lại: bà **Lê Thanh N** - Chức vụ: Phó phòng thu hồi nợ

Tổ tụng Công ty M1. Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: ông Nguyễn Hưng T, Chuyên viên xử lý nợ.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc Y, sinh năm 1980; Anh Nguyễn Viết K, sinh năm 1978. Cùng địa chỉ và trú tại: Xóm B2, xã N, huyện G, thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị Ngọc O, sinh năm 1992. Trú tại: Xóm C, xã N, huyện G, Hà Nội. Vắng mặt.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Tính đến ngày 23/05/2022, tổng số tiền chị Nguyễn Thị Ngọc Y và anh Nguyễn Viết K thống nhất còn nợ Ngân hàng TMCP Q (M) là **7.217.317.507 đồng** (Bảy tỷ, hai trăm mười bảy triệu, ba trăm mười bảy nghìn, năm trăm linh bảy đồng), theo 02 hai Hợp đồng tín dụng vay số 36918.20.066.6616918.TD ngày 30/03/2020 vay số tiền 5 tỷ đồng, lãi suất thả nổi 10,4% năm tại thời điểm giải ngân, biên độ lãi suất 3,7%/năm; thời hạn vay 84 tháng; Hợp đồng cho vay số 56859.20.066.6616818.TD ngày 13/05/2020 vay số tiền 3 tỷ đồng, lãi suất thả nổi 9,5%/năm tại thời điểm giải ngân, biên độ lãi suất là 3%/năm; thời hạn vay 06 tháng . Trong đó bao gồm: Nợ gốc: 6.728.629.603 đồng; Nợ lãi trong hạn: 271.060.056 đồng; Nợ lãi quá hạn: 217.627.848 đồng.

Chị Nguyễn Thị Ngọc Y và anh Nguyễn Viết K thống nhất thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng TMCP Q (M) số tiền nêu trên.

Hai bên thống nhất thỏa thuận không có yêu cầu xem xét đối với toàn bộ các khoản nợ gốc và nợ lãi đã thanh toán xong trước ngày 31/05/2022.

2. Hai bên thống nhất thỏa thuận phương thức trả nợ như sau:

+ Trong ngày 30/06/2022, chị Nguyễn Thị Ngọc Y và anh Nguyễn Viết K thanh toán trả nợ cho Ngân hàng TMCP Q (M) số tiền tối thiểu 70.000.000 đồng (nợ gốc);

+ Trong ngày 30/07/2022, chị Nguyễn Thị Ngọc Y và anh Nguyễn Viết K thanh toán trả nợ cho Ngân hàng TMCP Q (M) số tiền tối thiểu 70.000.000 đồng (nợ gốc);

+ Trong ngày 30/08/2022, chị Nguyễn Thị Ngọc Y và anh Nguyễn Viết K thanh toán trả nợ cho Ngân hàng TMCP Q (M) số tiền tối thiểu 70.000.000 đồng

(nợ gốc);

+ Trong ngày 30/09/2022, chị Nguyễn Thị Ngọc Y và anh Nguyễn Viết K thanh toán trả nợ cho Ngân hàng TMCP Q (M) số tiền tối thiểu 70.000.000 đồng (nợ gốc);

+ Trong ngày 30/10/2022, chị Nguyễn Thị Ngọc Y và anh Nguyễn Viết K thanh toán trả nợ cho Ngân hàng TMCP Q (M), thanh toán toàn bộ dư nợ gốc, lãi còn lại (bao gồm cả dư nợ lãi phát sinh kể từ ngày 24/05/2022) cho Ngân hàng TMCP Q.

3. Kể từ ngày tiếp theo ngày có biên bản hòa giải thành (23/05/2022), cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng vay số 36918.20.066.6616918. TD ngày 30/03/2020 và Hợp đồng tín dụng vay số 56859.20.066.6616818.TD ngày 13/05/2020, trên số tiền nợ gốc chưa trả cho đến khi thanh toán xong hết nợ cho Ngân hàng TMCP Q.

4. Trường hợp chị Nguyễn Thị Ngọc Y, anh Nguyễn Viết K không thanh toán đúng và đủ theo thỏa thuận nêu trên thì Ngân hàng TMCP Q có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành xử lý toàn bộ tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ cho Ngân hàng M. Cụ thể tài sản đảm bảo gồm: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với thửa đất B3, tờ bản đồ số M2, địa chỉ Thôn B2, xã N, huyện G, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH 685455, số vào sổ cấp GCN: CS-CL 05546 do Sở TNMT Hà Nội cấp ngày 04/05/2017; ngày 06/09/2017 chuyển quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị Ngọc Y thành sở hữu chung của ông Nguyễn Viết K và bà Nguyễn Thị Ngọc Y theo hồ sơ số 000521.VC.003.

Khi thực hiện xử lý tài sản thế chấp chị Nguyễn Thị Ngọc Y, anh Nguyễn Viết K và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Ngọc O phải có trách nhiệm bàn giao tài sản thế chấp nêu trên cho cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

Sau khi chị Nguyễn Thị Ngọc Y, anh Nguyễn Viết K thanh toán các khoản tiền nêu trên cho ngân hàng nếu không phải xử lý đến tài sản thế chấp thì Ngân hàng có nghĩa vụ trả lại chị Nguyễn Thị Ngọc Y, anh Nguyễn Viết K, Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH 685455, sổ vào sổ cấp GCN: CS-CL 05546 do Sở TNMT Hà Nội cấp ngày 04/05/2017; ngày 06/09/2017 chuyển quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị Ngọc Y thành sở hữu chung của ông Nguyễn Viết K và bà Nguyễn Thị Ngọc Y theo hồ sơ số 000521.VC.003.

5. Án phí: chị Nguyễn Thị Ngọc Y, anh Nguyễn Viết K phải chịu 57.608.000đồng án phí DSST. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Q 57.660.000đồng tiền nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số AA/2020/0073197 ngày 18/4/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện G.

6. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

7. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TANDTPHN;
- VKSNDTPHN;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi Cục Thi hành án DS. H. GL;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G

Thẩm phán

Vũ Quang Long